TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **296**/2017/QĐST-HNGĐ	*Hải Châu, ngày 20 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 12 tháng 9 năm 2017, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 280/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017, về việc "Y*êu cầu công nhận thuận tình ly hôn*".

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 12 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của người yêu cầu:

Người yêu cầu:

Ông **Trần Lê V** - sinh năm: 1989

Và bà **A Viết Thị Hồng T** - sinh năm: 1988

Cùng địa chỉ: K04/22 đường Ô, tổ 123, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Lê V và bà A Viết Thị Hồng T thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: ông Trần Lê V và bà A Viết Thị Hồng T có 01 con chung là Trần Đức A - sinh ngày 13.4.2016

Ly hôn, ông V và bà T thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu kể từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần Lê V không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đó thỏa thuận, thì hàng tháng ông V còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều 468 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trần Lê V và bà A Viết Thị Hồng T phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 9709 ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông V và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Hồng Loan